

Bản án số 17/2017/HNGĐ-ST

Ngày 27/7/2017

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Mai.

- Bà Nguyễn Thị Huế.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Diện, Kiểm sát viên

Ngày 27/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 76/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXX-ST ngày 11/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu H sinh năm 1971; địa chỉ xóm 12, thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay số nhà 68, đường D, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Lê Thị S sinh năm 1969; địa chỉ tại xóm 12, thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt tại phiên tòa (do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 11/7/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/6/2017 được bổ sung tại bản tự khai ngày 09/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là anh H trình bày: Anh H kết hôn với chị S vào năm 1991, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, cho nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau; thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2009 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, nên anh H xin được ly hôn với chị S. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Văn N sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Thị T sinh năm 1995 nay cả hai cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng không có và vợ chồng anh H chị S không vay mượn ai tài sản gì.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/6/2017 bị đơn là chị S trình bày: Chị S kết hôn với anh H vào năm 1991, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết, hiện nay đăng ký kết hôn anh H đã xé đi rồi. Từ năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H rượu chè về đánh đập vợ con, mâu thuẫn trầm trọng, từ năm 2009 đến nay vợ chồng sống ly thân và chị S đồng ý ly hôn với anh H. Về con chung vợ chồng có hai con chung, các cháu đều đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc là chưa chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử cho anh H và chị S ly hôn và buộc anh H phải nộp 300.000 đồng án phí về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

Anh H khởi kiện xin ly hôn đối với chị S, tại đơn đề nghị của anh H ngày 05/6/2017 Ban Công an xã H xác nhận chị S có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc khởi kiện xin ly hôn của anh H là đúng và Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa bị đơn là chị S vắng mặt, nhưng ngày 11/7/2017 chị S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là chị S.

Về yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị S: Anh H và chị S đều khai vợ chồng tự nguyện kết hôn với nhau vào 1991, như vậy tại thời điểm kết hôn anh H đã đủ 20 tuổi và chị S đã đủ 18 tuổi; tại đơn đề nghị của anh H ngày 05/6/2017 Ủy ban nhân dân xã H xác nhận “anh H và chị S đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H...”; theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân giữa anh H với chị S là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện của anh H ngày 08/6/2017 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/6/2017 cả anh H và chị S đều khai khoảng từ năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng đánh chửi nhau và vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2009 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau; đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân của vợ chồng của anh H, có xác nhận của UBND xã H nội dung đơn thể hiện “... anh H và chị S trong quá trình chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu

thuần, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau và vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay...”. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H với chị S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án xử cho anh H và chị S ly hôn.

Về con chung: Cả anh H và chị S cùng trình bày vợ chồng 02 con chung là các cháu Nguyễn Văn N sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Thị T sinh năm 1995; cả hai cháu đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh H và chị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; theo trích lục khai sinh (bản sao) ngày 05/6/2017 của UBND xã H thể hiện cả hai cháu N và cháu T đều đã trưởng thành; do vậy Tòa án không giải quyết về phần con chung của vợ chồng.

Về tài sản chung: Cả anh H và chị S cùng trình bày vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về yêu cầu ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu H, cho anh Nguyễn Hữu H và chị Lê Thị S ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị S chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

b) Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Hữu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001639 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, anh H đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Bùi Văn Lực